

# Các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ góc nhìn quốc tế: Một bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Bùi Thị Diễm<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Chi<sup>2</sup>,  
Đoàn Thúy Hạnh<sup>3</sup>, Nguyễn Việt Hà<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Email: dienbt@vnies.edu.vn

<sup>2</sup> Email: chint@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: hanhdt@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

<sup>4</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Email: nvha@moet.gov.vn

**TÓM TẮT:** Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc xác định miễn học phí hay tính học phí không chỉ phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội mà còn thể phụ thuộc vào chính sách và ưu tiên của mỗi quốc gia. Nhìn chung, những nước có thu nhập cao có xu hướng miễn học phí vì những quốc gia này có nền tảng tài chính mạnh, đảm bảo nguồn ngân sách nhà nước cho chi tiêu giáo dục. Trong khi đó, những nước có thu học phí ở các cấp học đưa ra nhiều gói hỗ trợ giúp đỡ các đối tượng học sinh, sinh viên khó khăn có cơ hội được tiếp cận các dịch vụ giáo dục. Trong bức tranh toàn cảnh của giáo dục quốc tế, Việt Nam đã có nhiều quyết sách thể hiện sự ưu tiên đối với giáo dục, trong đó có chính sách miễn giảm học phí. Trong giai đoạn tới, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập để tiếp tục đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục công bằng cho các đối tượng trẻ em, học sinh, sinh viên có điều kiện kinh tế khó khăn có cơ hội đến trường, nâng cao dân trí và chất lượng giáo dục.

**TỪ KHÓA:** Chính sách miễn học phí, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách giáo dục.

→ Nhận bài 03/4/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 09/6/2021 → Duyệt đăng 15/9/2021.

## 1. Đặt vấn đề

Việt Nam luôn đề cao vị trí, vai trò của giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) với quan điểm GD&ĐT là quốc sách hàng đầu. Quan điểm này được thể hiện rõ ràng và xuyên suốt qua các văn kiện, nghị quyết của Đảng. Nghị quyết Trung ương 3, (khoá VII) năm 1993 khẳng định: “*Khoa học và công nghệ, GD&ĐT là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển*”. Nghị quyết Trung ương 8, (khoá XI) tiếp tục khẳng định: “*GD&ĐT là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân*”. Quan điểm này của Đảng và Nhà nước được thể hiện qua nguồn chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và các chính sách đầu tư cho GD&ĐT. Cụ thể: Tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục hàng năm của Việt Nam ở mức xấp xỉ 20%, tương đương 5% GDP, nhiều chính sách ưu tiên đầu tư cho GD&ĐT đã được ban hành, trong đó có chính sách miễn giảm học phí cho các đối tượng trẻ em, học sinh (HS), sinh viên (SV) có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

Nhiều nghiên cứu [1], [2] đã chỉ ra tác động tích cực của chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập được quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 02 tháng 10 năm 2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách,

miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021 giúp tăng tỉ lệ nhập học, hỗ trợ kịp thời các đối tượng chính sách và yếu thế trong xã hội có cơ hội tiếp cận giáo dục. Trong giai đoạn tiếp theo sau khi Nghị định 86/2015/NĐ-CP hết hiệu lực từ năm học 2021-2022 thì việc xây dựng Nghị định mới trong đó tiếp tục kế thừa những chính sách miễn giảm học phí là cần thiết để tiếp tục hỗ trợ giảm bớt khó cho các đối tượng trẻ em, HS, SV có điều kiện kinh tế khó khăn được học tập. Bên cạnh đó, Nghị định mới cũng cần bổ sung những chính sách đối tượng mới được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập để đảm bảo quyền lợi cho các đối tượng chính sách theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019. Chính vì vậy, việc nghiên cứu toàn diện về chính sách học phí nói chung và chính sách miễn giảm học phí nói riêng ở các quốc gia trên thế giới để từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam là cần thiết trong điều kiện hiện nay. *Bài viết thuộc Đề tài Khoa học và Xã hội Nhân văn cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất chính sách học phí cho các cơ sở GD&ĐT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”, mã số đề tài: B2019-VK6-NV-04, do GS.TS Lê Anh Vinh chủ nhiệm.*

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập ở bậc học mầm non và phổ thông của một số quốc gia trên thế giới

Đối với bậc học Mầm non, tại Úc, bang New South Wales yêu cầu cha mẹ và người chăm sóc phải trả toàn bộ phí và học phí cho trẻ. Tuy nhiên, chính quyền bang cũng đưa ra các trường hợp được miễn giảm học phí. Cụ thể, dựa trên Chỉ số Lợi thế giáo dục xã hội Cộng đồng (Community Socio - Educational Advantage - ICSEA), các trường sẽ được tính toán mức học phí sao cho phù hợp với điều kiện và nguồn thu nhập của người dân ở địa phương. Các trường có chỉ số ICSEA thấp sẽ có mức học phí thấp hơn. Cụ thể, trẻ em từ các gia đình có thu nhập khác nhau được giảm từ 10% đến 50% học phí hoặc có thể miễn phí, tùy thuộc vào chỉ số Lợi thế giáo dục xã hội cộng đồng của trường. Khác với bang New South Wales, bang Victoria của Úc áp dụng quy định miễn giảm riêng của bang cho các đối tượng giáo dục mầm non. Cụ thể, phụ huynh có thể tìm kiếm trợ giúp từ Tổ chức cứu trợ Trường học Tiểu bang - tổ chức cung cấp hỗ trợ và giúp đỡ tài chính cho các gia đình gặp khó khăn. Ngoài ra, tổ chức này còn cung cấp miễn phí hoặc giảm giá đồng phục, giày và sách giáo khoa mới cho HS.

Ở Châu Âu, Estonia hỗ trợ tài chính cho gia đình có con nhỏ bắt đầu thực hiện từ năm 2004. Trợ cấp được trả từ ngân sách nhà nước cho đến khi con đủ 14 tháng tuổi. Theo quy định năm 2008, đến khi con được 18 tháng, mức trợ cấp bằng mức lương trước đây của cha mẹ hoặc trong trường hợp cha mẹ chưa đi làm mức trợ cấp sẽ bằng mức lương tối thiểu nhằm bù đắp khoản thu nhập bị mất do đang nuôi con nhỏ. Tại Đức, hỗ trợ tài chính cho gia đình HS được xác định theo đơn đăng kí, các khoản đóng góp tài chính có thể được miễn một phần hoặc toàn bộ nếu cha mẹ không đủ khả năng chi trả. Kinh phí này do văn phòng phúc lợi thanh niên địa phương chi trả. Từ năm 2019, Đạo luật về Chăm sóc trẻ (Gute-Kita-Gesetz) sẽ miễn trừ không chỉ cho các gia đình nhận trợ cấp xã hội, các gia đình có thu nhập thấp bao gồm phí chăm sóc trẻ em, tiền hỗ trợ chăm sóc trẻ bổ sung hoặc tiền phúc lợi.

Như vậy, đối với giáo dục mầm non, các nước đều thực hiện thu học phí nhưng có nhiều hình thức miễn giảm và hỗ trợ đi kèm. Tổng quan cho thấy, có hai hình thức miễn giảm học phí: thứ nhất là dựa trên nguồn thu nhập của cha mẹ, thứ hai là dựa vào điều kiện kinh tế của địa phương.

Đối với giáo dục phổ thông, việc miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập trên thế giới khá phong phú và đa dạng. Nam Phi [3] là một quốc gia nghèo nên học phí có thể trở thành rào cản đối với việc đến trường của HS. Chính vì thế, chính phủ đã đưa ra những chính sách

miễn giảm học phí nhằm giúp HS nghèo đến trường như chính sách miễn học phí và chính sách trường học miễn phí. Chính sách này quy định mỗi trường học thông qua cơ quan quản lý trường học (SGB), phải xác định mức học phí và thông báo cho phụ huynh hoặc người nuôi dưỡng về chính sách miễn học phí. Quy định về việc miễn học phí là nếu tổng thu nhập hàng năm của cha mẹ ít hơn mười lần học phí hàng năm cho mỗi HS, HS đó đủ điều kiện để được miễn phí hoàn toàn. Miễn giảm một phần được quy định cho những gia đình có thu nhập hơn mười lần nhưng ít hơn ba mươi lần học phí hàng năm. Ngoài ra, Nam Phi còn ban hành chính sách trường học miễn phí từ năm 2007 với mục tiêu các trường nghèo nhất sẽ được miễn học phí hoàn toàn. Các trường học được xếp hạng thành năm loại và tùy thuộc vào các điều kiện của nhà trường mà HS sẽ được giảm với mức khác nhau. Chính sách trường học miễn phí có ở 40% trường học nghèo nhất trên toàn quốc cho HS từ tiểu học đến lớp 9. Các trường học miễn học phí sẽ được ngân sách quốc gia cấp một khoản kinh phí lớn hơn học phí tính trên số lượng HS để bù đắp các khoản học phí. Từ năm 2009, tỉ lệ HS trong các trường miễn học phí sẽ tăng từ 40% lên 60% theo báo cáo chính sách ngân sách trung hạn (MTBPS) của Chính phủ Nam Phi. Tuy nhiên, những HS từ lớp 10 đến lớp 12 sẽ tiếp tục phải trả học phí ngay cả ở những vùng nghèo nhất.

Giáo dục phổ thông ở các nước có nền kinh tế phát triển có xu hướng miễn học phí nên chính sách tập trung vào hỗ trợ chi phí học tập thay vì các chính sách miễn giảm học phí. Cụ thể: Estonia cung cấp hỗ trợ tài chính cho gia đình HS, các gia đình được chi trả trợ cấp cho đến khi đủ 16 tuổi (trong trường hợp đăng kí học ban ngày thì độ tuổi quy định sẽ là 19 tuổi). Nhà nước cung cấp hỗ trợ tài chính cho các gia đình HS có nhu cầu giáo dục đặc biệt như các dịch vụ chăm sóc cho HS bị khuyết tật hoặc nhà xa trường học.

Tại Hungary, bắt đầu từ năm học 2012 - 2013, các gia đình có con học lớp 1 sẽ nhận được hỗ trợ tài chính một lần với số tiền là 150 leva với điều kiện thu nhập trung bình hàng tháng của mỗi thành viên trong gia đình trong năm trước đó dưới 350 leva. Đối với HS, hỗ trợ tài chính chỉ được trao cho HS đã hoàn thành lớp 8 dưới dạng học bổng hoặc trợ cấp cho HS có nhu cầu giáo dục đặc biệt, mồ côi, chỉ có cha hoặc mẹ, hoặc mức thu nhập hàng tháng của một thành viên gia đình theo mức lương tối thiểu chính thức và đạt kết quả học tập cao. Khi HS có nhiều hơn 2 tiêu chí nêu trên thì phải chọn một trong các hình thức hỗ trợ.

Tại Thụy Điển, có nhiều hình thức hỗ trợ tài chính cho gia đình và HS. Tất cả HS ở Thụy Điển đều được hưởng trợ cấp chung theo quý cho đến khi 16 tuổi. Sau đó, khoản trợ cấp mở rộng cho trẻ em bao gồm những tháng còn lại ở trường bắt buộc sau khi HS tròn 16 tuổi.

Theo quy định từ năm 2018, HS học toàn thời gian ở trường trung học phổ thông trên 16 tuổi nhận được khoản trợ cấp học tập chung không hoàn lại với 1250 SEK/tháng (trước 16 tuổi, HS sẽ được trợ cấp bằng số tiền của cha mẹ/người giám hộ nếu đi học đầy đủ, trừ trường hợp bị ốm hoặc vắng có phép).

Nhìn chung, giáo dục phổ thông ở các quốc gia phát triển thường miễn phí nên chủ yếu tập trung vào các chính sách hỗ trợ cho HS thường thông qua việc hỗ trợ gia đình phụ huynh để đảm bảo điều kiện học tập cho các em như giảm thuế cho cha mẹ, đưa ra các gói hỗ trợ như tiền ăn, di chuyển. Trong điều kiện Việt Nam là một nước đang phát triển, có thu nhập trung bình có thể thực hiện các chính sách miễn giảm học phí cho các đối tượng có điều kiện kinh tế khó khăn hoặc yếu thế với việc đưa ra nhiều mức hỗ trợ khác nhau để đảm bảo sự công bằng và cơ hội tiếp cận cho tất cả HS.

### 2.2. Các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập ở bậc đại học ở một số quốc gia trên thế giới

Nhìn chung, một số quốc gia thu học phí thường có xu hướng: (1) Thu học phí thấp và ít các chính sách miễn giảm học phí/hỗ trợ; (2) Thu học phí cao và có nhiều hình thức hỗ trợ cho SV để đảm bảo cơ hội học tập ở các đối tượng có điều kiện kinh tế khác nhau. Trên cơ sở khẳng định giáo dục đại học đóng một vai trò quan trọng trong xã hội, chất lượng và khả năng tiếp cận của SV phụ thuộc vào vấn đề tài chính nên Liên minh Châu Âu đặc biệt chú ý đến các chính sách về học phí. Các quốc gia đưa ra những chính sách và quy định khác nhau về học phí, tuy nhiên cách tiếp cận chung của các quốc gia này là miễn giảm học phí cho nhóm SV yếu thế có điều kiện kinh tế khó khăn, khuyết tật, dân tộc thiểu số, nạn nhân chiến tranh,... Các khoản hỗ trợ tài chính công cho SV có thể là hỗ trợ tài chính trực tiếp hoặc dưới hình thức tài trợ và cho vay; hỗ trợ tài chính gián tiếp thông qua các khoản phụ cấp hoặc ưu đãi thuế cho gia đình.

Trên thực tế, xem xét mối quan hệ giữa học phí và các khoản hỗ trợ rất cần thiết để làm rõ được chính sách học phí của mỗi quốc gia. Xem xét chính sách của các quốc gia Châu Âu cho thấy 4 hướng tiếp cận khác nhau.

- Tỷ lệ người trả học phí thấp và tỷ lệ người hưởng trợ cấp cao. Ở các quốc gia theo cách tiếp cận này, ngân sách công sẽ chi trả cho giáo dục đại học. Rất ít hoặc không có SV phải trả học phí. Ngoài ra, phần lớn các SV nhận được tài trợ với số tiền thường được điều chỉnh theo điều kiện tài chính của mỗi SV. 03 quốc gia Bắc Âu (Đan Mạch, Phần Lan và Thụy Điển) và Malta thực hiện theo cách tiếp cận này.

- Thu học phí cho một tỷ lệ thấp SV; ít hơn 50% SV phải trả học phí (hoặc học phí trên 100 EUR). Tỷ lệ người nộp học phí thấp kết hợp với tỷ lệ người nhận trợ

cấp thấp ví dụ như Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, Đức cũng như những quốc gia chỉ có một phần nhỏ SV đóng học phí, chủ yếu là kết quả học tập kém (Cộng hòa Séc, Estonia, Áo - các trường đại học và cao đẳng đại học giáo dục và Slovakia). Latvia, Litva, Hungary và Romania, tỷ lệ SV cao hơn - từ 30% đến 50% - phải trả học phí. Ở các quốc gia này, dựa trên thành tích học tập, SV có thành tích tốt hơn được tài trợ bởi nhà nước và một nhóm SV tự tài trợ (đầy đủ hoặc một phần) việc học của họ.

Ngược lại với các quốc gia theo hướng tiếp cận 1 và 2, các quốc gia còn lại thực hiện chính sách thu học phí cho đa số hoặc cho tất cả HS.

- Kết hợp tỷ lệ người nộp học phí cao và tỷ lệ người nhận trợ cấp thấp. Học phí được trả bởi tất cả các SV hoặc bởi hầu hết các SV, và các trường hợp ngoại lệ là các SV có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ví dụ như Croatia, Bosnia và Herzegovina, Serbia.

- Tỷ lệ người nộp học phí cao và tỷ lệ người nhận trợ cấp cao. Ví dụ: Ở Luxembourg, tất cả các SV nộp học phí và hầu hết nhận được một khoản trợ cấp cơ bản, và nơi có thêm các tiêu chí kinh tế xã hội và thu nhập xác định mức độ SV nhận được một khoản trợ cấp bổ sung, khoản vay hoặc kết hợp cả hai. Wales và Bắc Ireland ở Vương quốc Anh cũng thuộc nhóm này. Ngoài những chính sách hỗ trợ nêu trên, các quốc gia cũng đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ cho SV như mô hình học phí trả sau - học phí sẽ được hoãn/nộp chậm; SV có thể trả góp sau khi ra trường và có việc làm. Học phí có thể trả một lần hoặc trả hàng tháng theo quy định. Một số quốc gia áp dụng chính sách học phí trả sau là Australia, Scotland, New Zealand. Ở các nước Scandinavia, Chính phủ chi trả tất cả các loại học phí cho SV giỏi, còn chi phí sinh hoạt được Chính phủ cho vay, SV có thể trả sau khi ra trường. Tại Australia, phụ huynh có thể lựa chọn học phí trả trước hoặc học phí trả sau, tùy vào điều kiện của gia đình người học. Học phí trả sau sẽ được coi như một khoản vay nợ phải trả đối với SV sau khi tốt nghiệp.

Ở Đông Nam Á, tại Malaysia, việc hỗ trợ cho SV thường dưới các dạng như (1) Chương trình Hỗ trợ tài chính cơ bản dành cho tất cả các SV theo học chương trình tiêu chuẩn đáp ứng được yêu cầu trình độ đầu vào và đủ điều kiện để đăng kí như điều kiện kinh tế, kết quả học tập. (2) Chương trình cho vay PTPTN dành cho các SV học tại các cơ sở giáo dục Institusi Pendidikan Tinggi địa phương đảm bảo các khoản vay tài trợ toàn bộ hoặc một phần học phí và cả chi phí sinh hoạt trong suốt quá trình học. Ngoài ra, Malaysia còn các chương trình học bổng và tài trợ cho SV xuất sắc. Tại Campuchia - một nước có điều kiện kinh tế, xã hội gần với Việt Nam, việc hỗ trợ cho SV chủ yếu được thể hiện qua chế độ cấp học bổng như miễn giảm học phí. Học bổng này thường được cấp cho những SV xuất sắc và

SV có hoàn cảnh khó khăn. 60% học bổng theo truyền thống được phân bổ dựa trên thành tích và 40% dành cho SV ưu tiên, chủ yếu là SV nữ, SV nghèo và những người đến từ các vùng nông thôn. Hiện tại, Campuchia đang thí điểm chương trình HEQCIP để cung cấp trợ cấp và học bổng toàn phần cho các đối tượng thuộc diện ưu tiên. Theo thí điểm, 1.000 SV thuộc các gia đình có thu nhập thấp đã được lựa chọn để tham gia chương trình. Học phí của họ trả trực tiếp cho các cơ sở giáo dục đại học và trợ cấp được gửi trực tiếp cho SV. Chương trình này đang được nhân rộng ở Campuchia.

Việt Nam có thể học tập những ưu điểm trong các chính sách thu học phí theo mô hình tính giá dịch vụ giáo dục đào tạo kèm theo cung cấp nhiều gói chính sách miễn giảm cho các đối tượng SV khác nhau, từ các chính sách miễn giảm cho các đối tượng khó khăn đến các chính sách cho vay, hỗ trợ tài chính đối với SV.

### 2.3. Khuyến nghị về chính sách miễn giảm học phí cho Việt Nam từ kinh nghiệm quốc tế

Từ phân tích kinh nghiệm quốc tế nêu trên có thể thấy chính sách miễn giảm học phí không chỉ phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế xã hội mà còn phụ thuộc vào chính sách ưu tiên của mỗi quốc gia. Nhìn chung, xu hướng quốc tế cho thấy những nước có thu nhập cao thực hiện chính sách miễn học phí vì đảm bảo được nguồn ngân sách nhà nước để chi trả.

Đối với giáo dục mầm non, sẽ được hỗ trợ một phần theo hình thức cùng chi trả giữa nhà nước và xã hội. Đối với giáo dục tiểu học, miễn học phí ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Đối với giáo dục trung học có thu phí ở một số nước Châu Á và Châu Phi. Đối với giáo dục đại học có thu phí và tỉ lệ cao hơn tất cả các cấp học khác, kể cả ở những quốc gia phát triển. Tuy nhiên, SV sẽ được cung cấp các gói hỗ trợ phù hợp. Những quốc gia có thu học phí ở các cấp học đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ tài chính giúp các đối tượng HS, SV có điều kiện kinh tế khó khăn giảm bớt khó khăn và có cơ hội được tiếp cận các dịch vụ giáo dục.

Tại Việt Nam, chính sách miễn giảm học phí đã được Nhà nước quan tâm thông qua các cơ chế chính sách ưu tiên cho đối tượng người học có điều kiện kinh tế khó khăn. Cụ thể: Chính sách miễn giảm học phí đã được quy định Luật Giáo dục năm 2019, Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015, Nghị định 145/2018/NĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP. Chính sách miễn giảm học phí nên Việt Nam cần tiếp tục kế thừa các chính sách ưu tiên hiện nay đồng thời nghiên cứu mở rộng thêm các đối tượng chính sách

được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập để tạo điều kiện tốt hơn cho trẻ em, HS có điều kiện kinh tế khó khăn có cơ hội được tiếp cận dịch vụ giáo dục. Căn cứ vào Luật Giáo dục 2019, Nghị định 86/2015/NĐ-CP, kinh nghiệm quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam, chúng tôi có một số khuyến nghị sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục kế thừa chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đã được quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, trong đó duy trì các chính sách Nhà nước đảm bảo kinh phí chi trả chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em, HS, SV có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mồ côi cha mẹ, khuyết tật, dân tộc thiểu số, ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển hải đảo... với mục tiêu đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục, nâng cao dân trí và chất lượng giáo dục.

*Thứ hai*, khuyến nghị bổ sung một số đối tượng mới được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đóng học phí cho HS tiểu học cụ thể gồm:

- HS trung học cơ sở ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền được miễn học phí từ năm học 2021-2022 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2021).

- Trẻ em mầm non 05 tuổi được miễn học phí từ năm học 2023-2024 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2023).

- HS trung học cơ sở được miễn học phí từ năm học 2025-2026 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2025).

- HS tiểu học học tại trường tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí. Mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh/thành phố quy định nhưng tối đa không quá khung, mức trần học phí trường công lập trên cùng địa bàn.

*Thứ ba* về bổ sung đối tượng hỗ trợ chi phí học tập và nâng mức hỗ trợ hàng tháng:

- Trẻ em mẫu giáo và HS phổ thông ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo để giúp trẻ em, HS đối tượng chính sách ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn được hỗ trợ kinh phí để mua sắm sách giáo khoa, đồ dùng và dụng cụ học tập.

- Nâng mức hỗ trợ chi phí học tập từ 100.000 đồng/HS/tháng lên 150.000 đồng/HS/tháng để phù hợp với mức chi tiêu thực tế hiện nay, giúp HS đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ thêm kinh phí để mua sắm đồ dùng và dụng cụ học tập, đặc biệt là mua sách giáo khoa mới.

### 3. Kết luận

Trong bức tranh toàn cảnh của giáo dục quốc tế, Việt Nam luôn được đánh giá là có chính sách đầu tư công cho giáo dục cao tính theo tỉ trọng GDP. Đặc biệt trong điều kiện một quốc gia có thu nhập trung bình,

Việt Nam vẫn luôn đưa ra nhiều quyết sách thể hiện sự ưu tiên đối với giáo dục, trong đó có chính sách miễn giảm học phí. So với các nước, Việt Nam đã thể hiện nhiều chính sách nhân văn trong việc tăng cường hỗ trợ người học, phù hợp với xu hướng quốc tế. Cùng sự phát triển của kinh tế xã hội và với những nỗ lực của

quốc gia với quan điểm “giáo dục là quốc sách hàng đầu”, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập để tạo điều kiện thuận lợi cho người học, đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục công bằng cho tất cả HS và SV, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục của quốc gia.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Bui, T. A., Nguyen, C. V., Nguyen, K. D., Nguyen, H. H., & Pham, P. T. (2020), *The effect of tuition fee reduction and education subsidy on school enrollment: Evidence from Vietnam*, Children and Youth Services Review, 108, 104536.
- [2] Khiem, P. H., Linh, D. H., & Dung, N. D. (2020), *Does tuition fee policy reform encourage poor children's school enrolment? Evidence from Vietnam*, Economic Analysis and Policy, 66, p.109-124.
- [3] <https://www.etu.org.za/toolbox/docs/government/school-fees.html>.
- [4] European Commission/EACEA/Eurydice, (2018), *National Student Fee and Support Systems in European Higher Education - 2018/19*, Eurydice - Facts and Figures. Luxembourg: Publications Office of the European Union.
- [5] Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (1997), *Nghị quyết Trung ương 3*, khoá VII.
- [6] Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (04/11/2013), *Nghị quyết Trung ương 8*, khoá XI.
- [7] Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về *Cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021*.
- [8] OECD, (2019), *Education at a Glance 2019: OECD Indicators*, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/f8d7880d-en>.

## POLICIES ON TUITION FEE EXEMPTION AND REDUCTION, AS WELL AS FINANCIAL SUPPORT FOR STUDENTS FROM INTERNATIONAL PERSPECTIVES: A LESSON FOR VIETNAM

Bui Thi Dien<sup>1</sup>, Nguyen Thi Chi<sup>2</sup>,  
Doan Thuy Hanh<sup>3</sup>, Nguyen Viet Ha<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Email: dienbt@vnies.edu.vn

<sup>2</sup> Email: chint@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: hanhdt@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
52 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam

<sup>4</sup> Ministry of Education and Training  
35 Dai Co Viet, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam  
Email: nvha@moet.gov.vn

**ABSTRACT:** *An analysis of international experience shows that determining whether to waive tuition fees or charge fees depends not only on socio-economic conditions, but also on the policies and priorities of each country. In general, high-income countries tend to waive tuition fees because these countries have strong financial bases, ensuring a source of state budget for education expenditure. While the countries that charge tuition fees at all levels offer many support packages to help students in need have the opportunity to access educational services. In the overall picture of international education, Vietnam has made many decisions to show priorities for education, including the policy of tuition exemption and reduction. In the coming period, Vietnam needs to continue to improve policies on tuition exemptions and reductions, as well as financial support for students to create favorable conditions for learners and ensure equal access to education for all students; thereby improving the quality of national education.*

**KEYWORDS:** Tuition fee exemption policy, tuition fee reduction, financial support for students, education policy.